

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HS-ST  
Ngày : 29 - 9- 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quý Phúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Kim Phi;
2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2020/TLST- HS, ngày 14 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1529/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

**Huỳnh Giang L**, sinh năm 1983 tại huyện P, tỉnh Bình Định; nơi cư trú thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Xuân C (chết) và bà Nguyễn Thị C; vợ là Hồ Thị Kim S, có 02 con, đứa lớn sinh năm 2008, đứa nhỏ sinh năm 2012, tiền sự: Không; tiền án: Ngày 24/10/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt vào ngày 11/12/2018. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

1. Chị Trần Mỹ N, sinh năm 1996; nơi cư trú thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1991; nơi cư trú thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Trần Quốc D, sinh năm 1982, nơi cư trú thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

2. Châu Hoàng Đ, sinh năm 1983, nơi cư trú xóm B, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

3. Nguyễn Thị C, sinh năm 1957, nơi cư trú thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

4. Huỳnh Phát Đ, sinh năm 1991, nơi cư trú thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Giang L là đối tượng không có nghề nghiệp, vừa chấp hành xong hình phạt tù vào tháng 12/2018 trở về địa phương nhưng không chịu lương thiện làm ăn mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Từ ngày 22/5/2020 đến ngày 28/5/2020, L đã lén lút thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Tuy Phước. Cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 22/5/2020, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77E1 – 296.69 đi đến ngã ba gần quán nhậu G thuộc thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định thì thấy có nhiều xe mô tô đang dựng dưới mái hiên nhà dân không có ai trông coi nên nảy sinh ý định cạy cốp xe mô tô để trộm cắp tài sản bên trong; L đi đến chỗ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Air Blade, màu trắng, biển kiểm soát 77G1 – 277.27 của anh Nguyễn Hữu T rồi dùng tay cạy cốp chiếc xe mô tô này lấy trộm số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) của anh T để trong ví bỏ trong cốp xe. Sau đó, L điều khiển xe mô tô đi về nhà.

**Vụ thứ hai:** Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 28/5/2020, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77E1 – 296.69 đi đến trước nhà ông Trần C, trú ở thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định thì thấy trước nhà ông C có dựng nhiều xe mô tô không có ai trông coi nên nảy sinh ý định cạy cốp xe mô tô để trộm cắp tài sản; L đi đến nơi dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu đen, biển kiểm soát 77G1 – 694.56 của chị Trần Mỹ N rồi dùng tay cạy cốp chiếc xe mô tô này lấy trộm số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) mà chị N để trong ví bỏ trong cốp xe. Sau đó, L bỏ đi thì bị người dân phát hiện, bắt giữ và báo cáo với công an xã Phước Sơn.

Theo lời khai của người bị hại Nguyễn Hữu T thì vào ngày 22/5/2020, anh T bị mất số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm ngàn đồng). Tuy nhiên, trong quá trình điều tra Huỳnh Giang L không thừa nhận đã trộm cắp số tiền như người bị hại đã khai báo mà chỉ thừa nhận trộm cắp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Qua quá

trình điều tra, Cơ quan điều tra không có căn cứ để chứng minh L đã trộm cắp số tiền như bị hại đã trình báo mà chỉ có đủ chứng cứ chứng minh L đã trộm cắp số tiền như bị cáo đã khai nhận.

Ngày 16/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Phước ra Quyết định xử lý vật chứng:

- Trả lại 01 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) cho chị Trần Mỹ N; trả lại số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho anh Nguyễn Hữu T; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Boss, màu nâu, biển kiểm soát 77E1 – 296.69 cho bà Nguyễn Thị C, chị N, anh T và bà C không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự nữa.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Forme, loại bàn phím cứng và số tiền 1.212.000 đồng (một triệu hai trăm mười hai ngàn đồng) cho bị cáo Huỳnh Giang L.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Huỳnh Giang L đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Hữu T số tiền 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKS-TP ngày 10 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Huỳnh Giang L về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật, lười biếng lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào ngày 22/5/2020, tại thôn Vinh Quang 2, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, Huỳnh Giang L đã lén lút trộm cắp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) của anh Nguyễn Hữu T; ngày 28/5/2020, tại thôn Kỳ Sơn, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, L lén lút trộm cắp số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) của chị Trần Mỹ N. Hành vi nêu trên của Huỳnh Giang L là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự xã hội ở địa phương, do đó Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Tái phạm*” quy định tại điểm g và h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh T số tiền 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị N và anh T đều có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Từ những đánh giá và phân tích như trên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị không xét.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định đề nghị không áp dụng.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm xảy ra sự việc, phù hợp với dấu vết để lại hiện trường và vật chứng thu giữ được nên có đầy đủ căn cứ để xác định từ ngày 22/5/2020 đến ngày 28/5/2020, bị cáo Huỳnh Giang L đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Tuy Phước cụ thể: Vào ngày 22/5/2020 bị cáo đã lén lút dùng tay cạy cốp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 77G1-277.27 của anh Nguyễn Hữu T lấy trộm số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) mà anh T để trong ví bỏ trong cốp xe; vào ngày 28/5/2020 bị cáo tiếp tục dùng tay cạy cốp xe mô tô biển kiểm soát 77G1-694.56 của chị Trần Mỹ N lấy trộm số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) mà chị N để trong ví bỏ trong cốp xe, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước đã truy tố.

[3] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, trong khi bị cáo đã từng bị kết án về hành vi trộm cắp, chấp hành xong hình phạt vào ngày 11/12/2018 chưa được xóa án tích thì tiếp tục phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi khách thể mà bị cáo xâm phạm là tài sản của công dân, là một trong những khách thể quan trọng được Bộ luật hình sự bảo vệ, nên cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi do bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người dân lương thiện. Trong vụ án này bị cáo thực hiện 02 lần trộm với tổng số tiền là 5.100.000 đồng (năm

triệu một trăm nghìn đồng), nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Tái phạm*” quy định tại điểm g và h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tuy bị cáo không thừa nhận lấy số tiền 5.500.000 đồng như anh T đã khai báo, mà chỉ thừa nhận lấy của anh T 5.000.000 đồng, nhưng bị cáo đã tự nguyện bồi thường thêm cho anh T số tiền 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), tại phiên tòa anh T và chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nhưng anh chị có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặc khác cha và mẹ của bị cáo là người có công với cách mạng được tặng huy chương kháng chiến chống mỹ, bản thân bị cáo trước đây làm Bí thư Đoàn xã C, huyện P đã có nhiều thành tích xuất sắc trong các phong trào thanh niên tình nguyện và hiến máu nhân đạo được Chủ tịch UBND tỉnh tặng giấy khen, nên khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, để bị cáo an tâm cải tạo, sớm hòa nhập cộng đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị C (mẹ ruột của L), là chủ xe mô tô biển kiểm soát 77E1 – 296.69, bà C không biết việc L sử dụng chiếc xe mô tô của mình để đi trộm cắp tài sản, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Phước không xử lý hình sự đối với bà Cườn là có căn cứ.

[5] Xét về bồi thường thiệt hại: Anh T, chị N đã nhận lại tài sản, không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự còn quy định hình phạt bằng tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Giang L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g và h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Giang L 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/9/2020). Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết Bản án theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQ CSĐT Công an huyện Tuy Phước;
- CQ THAHS Công an huyện Tuy Phước;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Phòng KTNV và THA TAND T. Bình Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Quý Phúc**









